

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: QĐ/ĐHNCT ngày tháng năm 2021 của Trường Đại Học Nam Cần Thơ)

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG**
- Tên tiếng Anh: **LOGISTICS AND SUPPLY CHAIN MANAGEMENT**

Ngành đào tạo: LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Mã ngành: 7510605.

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Logistics and Supply Chain Management

1. Mục tiêu đào tạo:

1. 1. Mục tiêu chung (Program goals)

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

- Đào tạo người học có kiến thức tổng hợp trong lĩnh vực kinh doanh logistics và quản lý chuỗi cung ứng, xây dựng các kỹ năng kinh doanh và phát triển sự hiểu biết của sinh viên về luồng thông tin và hàng hóa giữa các nhà cung cấp, nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà bán lẻ và người tiêu dùng theo hướng hỗ trợ thương mại quốc tế và giao thương với các doanh nghiệp nước ngoài. Ngoài ra, ngành học này giúp sinh viên phát triển tư duy, có thể đề xuất những quy trình cải tiến các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp; biết vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực tế của doanh nghiệp; đồng thời có các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, tổng hợp, phân tích, giải quyết vấn đề cần thiết ở tất cả các loại hình doanh nghiệp trong nước, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong các hiệp hội ngành nghề cũng như các tổ chức nghiên cứu sâu về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, các cơ quan nhà nước và chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

- **PO1:** Đào tạo người học có kiến thức nền tảng rộng và sâu về lĩnh vực Logistics và Chuỗi cung ứng, có năng lực ứng dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực Logistics và Chuỗi cung ứng;

- **PO2:** Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động Logistics tại các đơn vị trung gian trong chuỗi cung ứng, tại các tổ chức của nền kinh tế trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh và bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu;

- **PO3:** Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi;

- **PO4:** Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của ngành, chuyên ngành;

- **PO5:** Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;

- **PO6:** Có phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp; có sức khỏe tốt;

- **PO7:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Kiến thức toàn khóa học: 132 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	15	11,4
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	30	22,7
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	18	13,6
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	32	24,3
1.4.1	Khoa học tự nhiên	6	
1.4.2	Khoa học chính trị	11	
1.4.3	Pháp luật	3	
1.4.4	Tin học	6	
1.4.5	Thiết kế dự án	6	
1.5	Kiến thức ngành gần, khác ngành	9	6,8
1.6	Kiến thức đại cương khác	28	21,2
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	28	
1.6.2	Giáo dục thể chất (03 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		132	100

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1. Quy trình đào tạo: Theo học chế tín chỉ.

Thực hiện qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 573/QĐ-ĐHNCT ngày 15/11/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Kết thúc khoá học, những sinh viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ và học phần quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Có trình độ tiếng Anh đạt trình độ bậc 3 (Tương đương B1 theo khung tham chiếu năng lực ngoại ngữ chung Châu Âu). Trình độ tin học đạt từ modul 01 đến 06 của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT (03/2014/TT-BTTTT)
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng; Giáo dục Thể chất; Kỹ năng mềm; Kỹ năng nghề nghiệp;
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. Cách thức đánh giá: Theo học chế tín chỉ.

Thực hiện qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 573/QĐ-ĐHNCT ngày 15/11/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Nam Cần Thơ.

7. Nội dung chương trình:

STT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ			Mã HP học trước
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	
1.1 Kiến thức cơ bản nền của ngành				15			
1.1.1	ECO101	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3		
1.1.2	ECO102	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3		ECO101
1.1.3	MKT101	Marketing căn bản	Principles of Marketing	3	3		
1.1.4	ACC101	Nguyên lý kế toán	Principles of Accounting	3	3		ECO101
1.1.5	MGT101	Quản trị học	Principles of Management	3	3		
1.2 Kiến thức cơ sở ngành				30			
1.2.1	MGT143	Quản trị Logistics	Logistics Management	3	3		MGT101

STT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ			Mã HP học trước
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	
1.2.2	MGT128	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	3	3		MGT101
1.2.3	MGT127	Quản trị vận hành	Operation Management	3			MGT101
1.2.4	MGT116	Quản trị chất lượng	Quality Management	3			
1.2.5	MGT109	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3			MGT101
1.2.6	MGT151	Quản trị lưu trữ và hàng tồn kho	Inventory and Warehouse Management	3			
1.2.7	MKT127	Quản trị kênh phân phối	Marketing Channel Management	3			MGT101
1.2.8	MGT112	Vận tải bảo hiểm	Transport and Insurance	3			MGT101
1.2.9	ECO103	Kinh tế quốc tế	International Economics	3			ECO102
1.2.10	MGT152	Quản trị hoạt động thu mua toàn cầu	Global Procurement Management	3			
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				18			
1.3.1	BUS117	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Researching Methods in business	3			
1.3.2	LOG301	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3			
<i>Chọn Khóa luận tốt nghiệp hoặc 4 học phần chuyên ngành sau</i>							
1.3.3	BUS107	Nghiệp vụ ngoại thương	Foreign Trade Operation	3			
1.3.4	FIN117	Thanh toán quốc tế	International Payments	3			
1.3.5	IBU101	Đầu tư quốc tế	International Investment	3			
1.3.6	LOG103	Chuỗi cung ứng bền vững	Sustainable Supply Chain	3			
1.3.7	LOG402	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	12			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				32			
1.4.1 Khoa học tự nhiên				6			
1.4.1	MAT103	Toán trong kinh tế	Mathematics in Economics	3			
1.4.2	STA101	Xác suất thống kê	Principles of Probabilities and Statistics	3			MAT103
1.4.2 Khoa học chính trị				11			
1.4.3	POL111	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3			
1.4.4	POL112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	2			

STT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ			Mã HP học trước
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH	
1.4.5	POL113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2			
1.4.6	POL114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2			
1.4.7	POL115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the VN Communist Party	2			
1.4.3 Pháp luật							
1.4.8	LAW101	Pháp luật đại cương	General Law	3			
1.4.4 Tin học				6			
1.4.9	ITE201	Tin học đại cương	Introduction to Computer Basics	3			
1.4.10	ITE262	Tin học thống kê	Applied Statistics	3			STA101
1.4.5 Thiết kế dự án				6			
1.4.11	SKI107	Thiết kế dự án 1	Project design 1	3			
1.4.12	SKI108	Thiết kế dự án 2	Project design 2	3			
1.5 Kiến thức ngành gần, khác ngành				9			
1.5.1	MGT111	Quản trị kinh doanh quốc tế	International Business Management	3			MKT101
1.5.2	MKT106	Marketing quốc tế	International Marketing	3			MKT101
1.5.3	BUS104	Thương mại điện tử	E-commerce	3			MKT101
1.5.3	BUS106	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information System	3			BUS106
1.6 Kiến thức đại cương khác							
Tiếng Anh				15			
1.6.1	ENG101	Tiếng Anh 1	English 1	3			
1.6.2	ENG101	Tiếng Anh 2	English 2	3			
1.6.3	ENG101	Tiếng Anh 3	English 3	3			
1.6.4	ESL201	Tiếng Anh chuyên ngành	Business English 1	3			
1.6.5	ESL202	Tiếng Anh chuyên ngành	Business English 2	3			
Giáo dục thể chất				3			
Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)							

Kế hoạch giảng dạy dự kiến:**Học Kỳ I**

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
1	Tiếng Anh căn bản 1	3		3
2	Giáo dục quốc phòng-an ninh			
3	Giáo dục thể chất 1			
4	Tin học đại cương	1	2	3
5	Triết học	2		2
6	Tiếng Anh căn bản 1	3		3
7	Tiếng Anh căn bản 2	3		3
Tổng		14		

Học Kỳ II

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
1	Tiếng Anh căn bản 3	3		3
2	Giáo dục thể chất 2			
3	Kinh tế học vi mô	3		3
4	Kinh tế chính trị	2		2
5	Quản trị học căn bản	3		3
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1		1
7	Toán trong kinh tế	3		3
8	Pháp luật đại cương	2		2
Tổng		17		

Học Kỳ III

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
1	Kinh tế học vĩ mô	3		3
2	Tiếng Anh căn bản 3	3		3
3	Marketing căn bản	3		3
4	Tin học đại cương	3		3
5	Giáo dục thể chất 3			
6	Xác suất thống kê	3		3
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2
Tổng		17		

Học Kỳ IV

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
1	Quản trị vận hành	3		3
2	Kinh tế quốc tế	3		3

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
3	Quản trị chuỗi cung ứng	3		3
4	Quản trị chất lượng	3		3
5	Hệ thống thông tin quản lý	2		2
6	Đường lối CM của Đảng CS VN	3		3
Tổng		17		

Học Kỳ V

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
1	Quản trị lưu trữ và hàng tồn kho	3		3
2	Marketing quốc tế	3		3
3	Quản trị kênh phân phối	3		3
4	Vận tải bảo hiểm	3		3
5	Quản trị logistics	3		3
6	Hệ thống thông tin quản lý	3		3
Tổng		16		

Học Kỳ VI

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
1	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2		2
2	Nghiệp vụ ngoại thương	3		3
3	Thanh toán quốc tế	3		3
4	Đầu tư quốc tế	3		3
5	Quản lý chuỗi cung ứng bền vững	3		3
6	Quản trị hoạt động thu mua toàn cầu	3		3
Tổng		16		

Học Kỳ VII

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
1	Quản trị chiến lược	3		3
2	Quản trị Marketing	3		3
3	Thiết kế dự án I	3		3
4	Quản trị kinh doanh quốc tế	3		3
5	Tin học thống kê	1	2	3
Tổng		17		

Học Kỳ VIII

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
1	Khởi tạo doanh nghiệp	1	1	2
2	E-commerce	3		3
3	Thực tập cuối khóa		4	4
4	Khóa luận		6	6

STT	Tên học phần	LT	TH	Tổng TC
5	Thiết kế dự án 2	3		3
6		3		3
Tổng		15		

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

8.1. Tiết giảng quy đổi

- 01 tín chỉ (tc) = 15 tiết học lý thuyết
- = 30 - 45 tiết thảo luận
- = 30 giờ chuẩn bị cá nhân
- = 40 - 90 giờ thực tập tại cơ sở
- = 45 - 60 giờ làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp

8.2. Tính liên thông

Chương trình đào tạo trình độ đại học đã chú ý đến tính liên thông, đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp đại học có thể học lên trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

8.3. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết, môn học trước, môn song hành của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng;

- Phần kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Hàng năm, phần kiến thức tự chọn có thể được thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập. Ngoài ra còn có môn học Thực hành tại doanh nghiệp nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp (DN) từ năm thứ 2, dự kiến sẽ triển khai vào học kỳ 5 hoặc 6 của khóa học. Tùy theo nhu cầu của các DN, Khoa sẽ có kế hoạch triển khai cho từng nhóm lớp cụ thể nếu theo học môn học này sẽ được giảm 1 môn trong phần kiến thức tự chọn;

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết;

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

8.4. Định hướng phương pháp dạy học

Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập.

Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học 4,0 năm.